SAO Y; SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG; 25/03/2026; 20:49:12; +07:00

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 16 /GPMT-SNNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Giang, ngày 25 tháng 3 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 2225/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Việt Long Kiên Giang tại Văn bản số 10/VLKG ngày 20/10/2025 về việc giải trình, chỉnh sửa và đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở "Nhà máy chế biến thủy sản Việt Long Kiên Giang - công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm";

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường An Giang tại Tờ trình số 55/TTr-CCBVMT ngày 17/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Việt Long Kiên Giang, địa chỉ tại tổ 1, ấp Ba Hòn, xã Kiên Lương, tỉnh An Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của "Nhà máy chế biến thủy sản Việt Long Kiên Giang - công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm" tại tổ 1, ấp Ba Hòn, xã Kiên Lương, tỉnh An Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy chế biến thủy sản Việt Long Kiên Giang - công suất 2.000 tấn sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Tổ 1, ấp Ba Hòn, xã Kiên Lương, tỉnh An Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1702039715 đăng ký lần đầu ngày 09/3/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 15/9/2025 do Phòng Doanh nghiệp - Hợp tác đầu tư thuộc Sở Tài chính tỉnh An Giang cấp.

1.4. Mã số thuế: 1702039715.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến thủy, hải sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Diện tích: Tổng diện tích đất của cơ sở là 7.820,1 m^2, trong đó: Diện tích 5.995,3 m^2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 494901 ngày 14/8/2017, diện tích hành lang an toàn giao thông 1.824,8 m^2 đang xin gia hạn thuê đất (Công ty cam kết thực hiện di dời các công trình đã xây dựng trên phần đất này và không yêu cầu bồi thường, hỗ trợ di dời khi có yêu cầu di dời).

- Nhóm dự án là nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Công suất và quy trình sản xuất:

+ Công suất: 2.000 tấn sản phẩm/năm, tương đương 6,7 tấn sản phẩm/ngày, (trung bình cơ sở hoạt động khoảng 300 ngày/năm) bao gồm các loại sản phẩm: Mực, tôm IQF, tôm BLOCK, cá phi lê.

+ Quy trình chế biến mực: Tiếp nhận nguyên liệu → Rửa lần 1 → Bảo quản (nếu có) → Sơ chế → Kiểm tra → Quay muối → Phân cỡ → Rửa lần 2 → Cấp đông → Cân - mạ băng - bao gói → Đóng thùng, ghi nhãn → Bảo quản thành phẩm.

+ Quy trình chế biến tôm IQF: Tiếp nhận nguyên liệu → Rửa lần 1 → Bảo quản → Sơ chế - làm sạch → Rửa lần 2 → Phân cỡ → Nhúng làm mát (nếu có) → Rửa lần 3 → Bảo quản (nếu có) → Cấp đông → Cân - mạ băng - bao gói → Đóng thùng, ghi nhãn → Bảo quản thành phẩm.

+ Quy trình chế biến tôm BLOCK: Tiếp nhận nguyên liệu → Rửa lần 1 → Bảo quản → Sơ chế - làm sạch → Rửa lần 2 → Phân cỡ → Rửa lần 3 → Cân, xếp khuôn → Chờ đông (nếu có) → Cấp đông → Ra hàng - mạ băng → Bao gói FE - Ghi nhãn - Đóng thùng → Bảo quản thành phẩm.

+ Quy trình chế biến cá phi lê: Tiếp nhận nguyên liệu → Rửa lần 1 → Bảo quản nguyên liệu → Sơ chế → Rửa lần 2 → Ngâm phụ gia → Phân cỡ → Rửa 3

- chờ ráo → Xếp khuôn/khay → Cấp đông → Cân - mạ băng - vào PE → Dò kim loại - Đóng thùng → Bảo quản - xuất hàng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Việt Long Kiên Giang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành).

Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và các giấy phép môi trường thành phần của cơ sở hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường An Giang chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Kiên Lương tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở;
- UBND xã Kiên Lương;
- Chi cục Bảo vệ môi trường An Giang;
- Cổng thông tin điện tử của Sở NN&MT;
- Công ty TNHH Việt Long Kiên Giang;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, ttluong.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

Lê Hữu Toàn

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 16 /GPMT-SNNMT ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên, từ căn tin.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất từ quá trình chế biến cá, tôm, mực và vệ sinh dụng cụ, nhà xưởng

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh Ba Hòn thuộc tổ 1, ấp Ba Hòn, xã Kiên Lương, tỉnh An Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Tại ống xả nước thải ra kênh Ba Hòn thuộc tổ 1, ấp Ba Hòn, xã Kiên Lương, tỉnh An Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1133225, Y = 509288 *(theo hệ VN 2000 kinh tuyến trục $104^0 30'$, múi chiếu 3^0).*

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 300 m^3/ngày.đêm; 12,5 m^3/giờ.

2.4. Phương thức xả nước thải

- Nước thải được dẫn vào ống thoát nước thải PVC D114 dài khoảng 10 m ra nguồn tiếp nhận là kênh Ba Hòn.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy, xả mặt, ven bờ.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn QCVN 11-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chế biến thủy sản Cột B, Cmax (K_q = 0,9; K_f = 1,1), cụ thể như sau:

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	BOD_5 ở 20°C	mg/L	49,5		
3	COD	mg/L	148,5		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	99		
5	Amoni (NH_4^+ tính theo N)	mg/L	19,8		
6	Tổng Nitơ (tính theo N)	mg/L	59,4		
7	Tổng Phốt pho (tính theo N)	mg/L	19,8		
8	Tổng dầu, mỡ động thực vật	mg/L	19,8		
9	Clo dư	mg/L	1,98		
10	Tổng Coliforms	MPN/100 mL	5.000		

Từ ngày 01/01/2032, chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước thải riêng biệt hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa.

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình vệ sinh của cán bộ, công nhân viên tại cơ sở được xử lý sơ bộ bằng các bể tự hoại 03 ngăn, nước thải từ căn tin được xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ đặt âm trong khu vực căn tin, sau đó, toàn bộ lượng nước thải từ bể tự hoại, bể tách mỡ và nước thải sinh hoạt khác được thu gom bằng hệ thống ống PVC D114 dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

- Nguồn số 02: Nước thải từ các công đoạn sản xuất, sơ chế, rửa nguyên liệu, nước thải vệ sinh dụng cụ, nhà xưởng theo độ dốc mặt sân nền, nhà xưởng chảy vào đường ống thu gom bằng ống PVC D114 dẫn về hệ thống xử lý nước thải.

- Trên hệ thống ống thu gom PVC D114 có bố trí 05 hố ga, kích thước 800 mm x 800 mm nhằm lắng sơ bộ bùn cặn có kích thước lớn trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải. Tổng chiều dài tuyến ống thu gom nước thải của cơ sở khoảng 120 m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Bể tự hoại

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn → Hệ thống xử lý nước thải công suất 300 m^3/ngày.đêm.

- Công suất thiết kế: 04 bể, tổng dung tích 220 m^3 (tại khu cấp đông, khu IQF, khu sơ chế và khu văn phòng + căntin).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.2. Bể tách dầu mỡ

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà bếp → Bể tách mỡ → Hệ thống xử lý nước thải công suất 300 m^3/ngày.đêm.

- Công suất thiết kế: 01 bể, dung tích 12 m^3 tại khu vực căntin.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Song chắn rác → Hố gom → Bể điều hòa → Bể trung gian → Bể Anoxic 1 → Bể Aerotank 1 → Bể Anoxic 2 → Bể Aerotank 2 → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận (kênh Ba Hòn).

- Công suất thiết kế: 300 m^3/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine, NaOH 10% (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại mục 2.6 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống dẫn nước; định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị đang sử dụng của hệ thống xử lý nước thải để thay thế, sửa chữa kịp thời máy móc hư hỏng, có thiết bị dự phòng.

- Bố trí ống hoàn lưu bùn trong bể thổi khí về bể Anoxic, ống này có chức năng thu bọt nổi trên bề mặt bể, hạn chế bọt phát tán ra xung quanh. Đồng thời,

bố trí hàng rào lưới lan trên thành các bể xử lý để hạn chế bọt phát tán ảnh hưởng đến các hộ dân lân cận.

- Bố trí nhân viên chịu trách nhiệm vận hành, theo dõi, ghi chép lại hoạt động của hệ thống xử lý nước thải thông qua nhật ký vận hành, kịp thời phát hiện và khắc phục sự cố hoặc báo cho cấp trên để tìm hướng giải quyết khi sự cố nằm ngoài khả năng xử lý.

- Khi xảy ra sự cố cần thời gian dài để khắc phục, chủ cơ sở sẽ ngưng sản xuất và thông báo ngay cho đơn vị thi công để kịp thời xử lý, không xả nước thải chưa xử lý ra nguồn tiếp nhận, chỉ cho nhà máy hoạt động trở lại khi sự cố hệ thống xử lý nước thải đã được khắc phục triệt để.

- Bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải gồm 2 bể với tổng thể tích 312 m^3/ngày.đêm, trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, bể điều hòa có chức năng như bể chứa nước dự phòng, toàn bộ lượng nước thải được lưu chứa trong bể trong thời gian khắc phục, sửa chữa, đảm bảo không xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn ra môi trường theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Đảm bảo thu gom toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở về hệ thống xử lý nước thải để xử lý đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường, không xả trực tiếp nước thải ra môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Hệ thống xử lý nước thải phải có công tơ điện độc lập, đồng hồ đo lưu lượng đầu ra, nhật ký vận hành xử lý (ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng đầu ra, các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm).

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.5. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.6 Phần A Phụ lục này khi xả ra ngoài môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 16 /GPMT-SNNMT ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng công suất 500 kVA

- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng công suất 320 kVA.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải, lưu lượng xả khí thải lớn nhất, phương thức xả khí thải

- Vị trí xả khí thải:

+ Nguồn số 1: Khí thải từ ống thải của máy phát điện dự phòng công suất 500 kVA. Tọa độ vị trí xả thải: X = 1133254; Y = 509360 *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104°30', múi chiếu 3°).*

+ Nguồn số 2: Khí thải từ ống thải của máy phát điện dự phòng công suất 320 kVA. Tọa độ vị trí xả thải: X = 1133254; Y = 509359 *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104°30', múi chiếu 3°).*

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 2.910 m^3/giờ.

- Phương thức xả khí thải: Khí thải được xả ra môi trường qua ống thải, xả liên tục khi máy móc, thiết bị tương ứng hoạt động.

2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B (Kp = 1; Kv = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Thông số/Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Cacbon oxit, CO	mg/Nm^3	1.200	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Lưu huỳnh đioxit, SO_2	mg/Nm^3	600		
3	Nitơ oxit, NOx, tính theo NO_2	mg/Nm^3	1.020		
4	Bụi tổng	mg/Nm^3	240		

Từ ngày 01/01/2032, chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Khí thải phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng trong quá trình hoạt động theo ống khói dẫn xả ra môi trường bên ngoài.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

Không thuộc đối tượng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra, định kỳ bảo dưỡng máy phát điện để có thể phát hiện và khắc phục sự cố kịp thời.

- Khi xảy ra sự cố đối với thiết bị thì phải dừng hoạt động của thiết bị có liên quan trực tiếp để xử lý, khắc phục sự cố trước khi cho vận hành trở lại.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng (nhiên liệu sử dụng là dầu DO), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, không yêu cầu phải có hệ thống xử lý khí thải, nhưng nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa, khí thải phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại mục 2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 16 /GPMT-SNNMT ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Từ hoạt động tiếp nhận nguyên liệu;

- Nguồn số 02: Từ hoạt động của các máy phát điện dự phòng;

- Nguồn số 03: Từ hoạt động của các máy móc của hệ thống xử lý nước thải công suất 300 m^3/ngày.đêm.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ - 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt
2	70	55		Khu vực thông thường

2.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt
2	70	60		Khu vực thông thường

Kể từ ngày 01/01/2027, giá trị tối đa cho phép đối với mức ồn phát sinh, mức gia tốc rung phải đáp ứng quy định tương ứng tại QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Khi vào bên trong khu vực Nhà máy phải tắt máy xe và đậu đúng nơi quy định. Yêu cầu xe ra vào với tốc độ chậm, không bóp còi.

1.2. Thường xuyên kiểm tra máy móc (độ mài mòn các chi tiết máy, tra dầu mỡ, bôi trơn các máy và thay thế các chi tiết mài mòn) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

1.3. Các máy móc thiết bị được thiết kế với các chân đế, bộ phận chống rung động đảm bảo theo quy định. Công ty thực hiện chế độ bảo dưỡng theo hướng dẫn và khuyến cáo của nhà sản xuất

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 2 Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn, hiệu chuẩn đối với các thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải, máy phát điện dự phòng để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 16 /GPMT-SNNMT ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Khoảng 440 kg/năm.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: 1.390 tấn/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 20 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Kho lưu chứa trong nhà: 01 kho.

- Diện tích kho: 10 m^2.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Kho lưu chứa trong nhà: 01 kho.

- Diện tích kho: 20 m^2.

- Đối với phụ phẩm từ quá trình sản xuất được lưu trữ tạm thời tại khu vực riêng biệt trong khu sản xuất, diện tích khoảng 06 m^2, dụng cụ lưu chứa gồm 06 thùng thùng nhựa loại 300 lít.

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, 01 phần bùn được tuần hoàn về bể Anoxic để hỗ trợ quá trình xử lý nước thải đạt hiệu quả, lượng bùn còn lại được dẫn về bể chứa bùn với thể tích 47,36 m^3 và thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý định kỳ theo quy định.

- Bùn thải từ các bể tự hoại được hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, xử lý định kỳ.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Không bố trí kho lưu chứa.

- Bố trí các thùng chứa vật liệu HDPE dung tích 120 lít có nắp đậy để chứa toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cổng phụ cơ sở và bàn giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT).

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, phân loại chất thải phát sinh theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

- Thực hiện thu gom định kỳ bùn thải từ hố ga, bể tách mỡ, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố cháy nổ và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Đảm bảo nguồn nhân lực, trang thiết bị, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 16 /GPMT-SNNMT ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không còn hạng mục, công trình bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT và quy định của địa phương. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho các đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình vận hành cơ sở theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp có văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.